TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **757**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 22-5-2023 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1965/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 87/24/2 khu phố A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Huy Đ, sinh năm 1980; Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 2420 X Y TX 76131 USA.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 17/10/2017. Sau khi kết hôn, ông Trần Huy Đ trở về Mỹ sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu giữa bà và ông Đ có thường xuyên liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong thời gian liên lạc phát sinh mâu thuẫn; đến năm 2021 thì không còn liên lạc. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Trần Huy Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tường trình đã được chứng thực tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hiu-Xtơn, Hoa Kỳ ngày 27/3/2023 bị đơn ông Trần Huy Đ xác nhận lời trình bày của bà Phạm Thị Phương T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà T và ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông Trần Huy Đ là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn hiện cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tường trình của ông Trần Huy Đ đã được chứng thực tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hiu-Xtơn, Hoa Kỳ ngày 27/3/2023 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Phương T được ly hôn ông Trần Huy Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà T và ông Đ thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà T và ông Đ không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà T và ông Đ đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Phạm Thị Phương T yêu cầu được ly hôn ông Trần Huy Đ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Huy Đ khai không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Phương T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Huy Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Phương T được ly hôn ông Trần Huy Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 162 do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2017 cho bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Huy Đ không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), bà Phạm Thị Phương T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0003525 ngày 21/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Phạm Thị Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Trần Huy Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/15b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

HNST2022TATP-1492
1 000110 712212
09.03.2023 11:11
Phạm Thị Phương Thảo